TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 07/2017/QĐST – DS	*Phổ Yên, ngày 30 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự ;

Căn cứ Điều 463, 466, 468, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 37/2017/TLST – DS ngày 07 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1971

HKTT: xóm 10, xã T, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Bà Vương Thị O, sinh năm 1963

HKTT: xóm 9, xã T, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Quân C, sinh năm 1961
2. Anh Trần Đăng K, sinh năm 1985

Đều có HKTT: xóm 9, xã T, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

(Ông Q, anh K ủy quyền cho bà Vương Thị O tham gia tố tụng. Văn bản ủy quyền ngày 20/01/2018)

3. Ông Lê Gia X, sinh năm 1964

HKTT: xóm 10, xã T, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1) Về nghĩa vụ trả nợ : Chị Nguyễn Thị H, anh Lê Văn X bà Vương Thị O, ông Trần Công Q, anh Trần Đăng K (ông Q, anh K ủy quyền cho bà O) nhất trí xác định số tiền gốc vợ chồng bà Vương Thị O còn nợ chị H, anh X là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Bà Vương Thị O, ông Trần Công Q, anh Trần Đăng K (ông Q, anh K ủy quyền cho bà O) nhất trí thỏa thuận có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn X số tiền gốc đã vay là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Chị H, anh X không yêu cầu trả tiền lãi đối với khoản tiền đã vay.

2.2) Về thời hạn, phương thức trả nợ: Chị Nguyễn Thị H, anh Lê Văn X và bà Vương Thị O, ông Trần Công Q, anh Trần Đăng K (ông Q, anh K ủy quyền cho bà O) thống nhất thỏa thuận trả số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) như sau: Bà O, ông Q, anh K có trách nhiệm trả cho chị H, anh X mỗi tháng 10.000.000đ (mười triệu đồng) (tổng 10 tháng), cụ thể:

+ Thời điểm trả nợ lần đầu: ngày 28/02/2018 (dương lịch)

+ Thời điểm trả nợ tiếp theo vào ngày 30 hàng tháng, lần cuối cùng: ngày 30/11/2018 (dương lịch)

2.3) Về địa điểm trả nợ: bà Vương Thị O thỏa thuận có trách nhiệm trả nợ cho chị H, anh X theo các đợt như trên tại trụ sở UBND xã T, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

2.4) Biện pháp bảo đảm thi hành án: Chị Nguyễn Thị H, anh Lê Văn X và bà Vương Thị O, ông Trần Công Q, anh Trần Đăng K (ông Q, anh K ủy quyền cho bà O) thống nhất thỏa thuận nếu hết mỗi kỳ thanh toán mà chưa trả được cho vợ chồng chị H, anh X số tiền mà kỳ hạn đó có nghĩa vụ phải thanh toán thì chị H, anh X có quyền yêu cầu thi hành án buộc phải trả toàn bộ số tiền còn nợ mà không cần đợi đến kỳ hạn trả nợ tiếp theo.

2.5) Lãi xuất chậm thi hành án của khoản tiền nợ: Chị Nguyễn Thị H, anh Lê Văn X và bà Vương Thị O, ông Trần Công Q, anh Trần Đăng K(ông Q, anh K ủy quyền cho bà O) thống nhất thỏa thuận tính theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

2.6) Về Án phí: Chị Nguyễn Thị H thỏa thuận chịu 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 2.882.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên. Biên lai thu số 0008335 ngày 06/11/2017. Trả lại chị Nguyễn Thị H 382.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực Pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS thị xã Phổ Yên;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Mạc Thị Hồng